

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2026/HS - ST

Ngày 28 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Kim Nhung

Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Ưông Sĩ Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang tiến hành mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2026/TLST-HS ngày 14/8/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2026/QĐXXST-HS ngày 14/8/2026 đối với bị cáo:

Đinh Trọng N, sinh ngày 10/10/1978; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Quảng Ngãi; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số C đường C, phường R, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn Ú (đã chết) và bà Huỳnh Thị L; Có vợ là Trần Cẩm L1; Có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. (Hiện bị cáo đang tại ngoại tại số C đường C, phường R, tỉnh An Giang)

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà **Dương Thị T** – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A (có mặt)

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:** Bà **Trần Cẩm L1**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số C đường C, phường R, tỉnh An Giang.

- **Bị hại:**

1. Bà **Trần Tuyết A**, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Số B đường C, phường R, tỉnh An Giang.

2. Bà **Võ Thị Thu P**, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường C, phường R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 45 phút, ngày 20 tháng 11 năm 2025, Đinh Trọng N nhớ lại chuyện mâu thuẫn trước đây về việc tranh chấp phần đất là lối đi chung giữa gia đình N và gia đình của bà Trần Tuyết A nên N lấy 01 cây búa (đầu búa làm bằng kim loại vuông có chiều cao khoảng 10cmx05cm; cán búa làm bằng gỗ tròn có chiều dài khoảng 60cm) cầm trên tay phải, đi từ nhà của N đến nhà bà Tuyết A để đập phá nhà bà Tuyết A. Khi đi ngang nhà bà Vũ Thị Thu P1 (cặp bên nhà N), N cầm búa bằng tay phải đập phá gây hư hỏng nhiều tài sản của bà P1 gồm: 01 (một) khung kim loại (nhôm) lồng kính bảo vệ đồng hồ điện bị bể vỡ kính và cong vênh hoàn toàn kích thước 1,7x0,8m; 01 (một) cửa sổ khung kim loại (nhôm) kích thước 01x01m bị bể vỡ kính và cong vênh móp méo khung kim loại hoàn toàn; 01 (một) cửa sổ khung kim loại (nhôm) lồng kính kích thước 0,8x01m bị bể vỡ kính và cong vênh móp méo hoàn toàn; 01 (một) cửa sổ bên hông khung kim loại (nhôm) lồng kính kích thước 0,8x02m bị bể vỡ phần kính hoàn toàn trên diện 0,65x01m, phía dưới mặt kính có dấu hiệu móp méo khung kim loại kích thước 10x27cm. Sau đó, N tiếp tục đi đến nhà bà Tuyết A và cầm búa bằng tay phải đập phá gây hư hỏng nhiều tài sản gồm: 01 (một) cửa sổ khung kim loại (nhôm) lồng kính kích thước 01x0,8m bị bể vỡ kính hoàn toàn; 01 (một) cửa nhà chính phía trước kích thước 2,25x2,2m bằng khung kim loại (sắt) lồng kính dạng bốn cánh mở vào trong về hai bên bị vỡ kính hoàn toàn trên diện 2,25x1,45m; 01 (một) cửa sổ khung kim loại (sắt) lồng kính kích thước 1,2x1,2m phần kính bị bể vỡ hoàn toàn; 01 (một) tấm tol dày 0,4mm, chiều dài 3m, chiều rộng 01m, thùng trên diện 0,6x0,2m; 1 (một) cửa chính kích thước 1,85 x 2,4m dạng cửa kim loại (sắt) hai cánh mở vào trong về hai bên bị cong vênh móp méo hoàn toàn chiều hướng từ ngoài vào trong trên diện 1,9x1,7m; 01 (một) cửa sổ kích thước 1,1x01m khung kim loại (sắt) bị cong vênh chiều hướng từ trên xuống; 01 (một) mặt ngoài tủ quần áo gỗ bị bể vỡ trên diện 15x10cm; 06 (sáu) tấm tol: Mỗi tấm tol có kích thước 03mx01mx0,4mm, bị nhiều vết rách thùng rải rác liên tục theo hướng từ ngoài vào trong trên diện 2,6x0,6m; 01 (một) cửa phòng ngủ bằng kim loại (sắt) kích thước 1,85x2,4m bị cong vênh móp méo hoàn toàn chiều

hướng từ ngoài vào trong trên diện 1,9x1,7m; 02 (hai) kiệu nước (sành), chiều cao 91 cm, đường kính phía trên miệng kiệu là 44cm, đường kính phía dưới đáy kiệu nước là 44cm bị bể vỡ hoàn toàn. Sau khi đập phá tài sản nhà bà P1 và nhà bà Tuyết A xong, N cầm búa đi về nhà thì gặp vợ là bà Trần Cẩm L2, bà L2 đã giắt lấy cây búa trên tay N và vứt xuống sông phía sau nhà N (lực lượng Công an đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được).

Ngày 27/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đinh Trọng N để điều tra.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án: Không có.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 54/2026/KLGD, ngày 10/02/2026 của Trung tâm P2, kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi đập phá hư hỏng tài sản xảy ra vào ngày 20/11/2025 và thời điểm hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, do đang sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách thực tổn (F07.0 - ICD10), mức độ vừa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐDGTS, ngày 22/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường R, kết luận:

- Tài sản bị hư hỏng tại nhà số C đường C trị giá 3.094.000 đồng.
- Tài sản bị hư hỏng tại nhà số B đường C trị giá 24.840.000 đồng.
- Tổng tất cả tài sản bị hư hỏng tại 02 nhà số C và nhà số B đường C có giá trị tổng cộng 27.934.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và các bị hại không có khiếu nại về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thị Thu P đã nhận số tiền 3.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Bị hại Trần Tuyết A đã nhận số tiền 10.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 14.840.000 đồng và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Bản cáo trạng số: 98/CT-VKSKV1 ngày 13/8/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang đã truy tố bị cáo Đinh Trọng N về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Trọng N về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; **Điều 65** của Bộ luật Hình sự, xử phạt Đinh Trọng N **từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.**

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thị Thu P đã nhận số tiền 3.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác. Bị hại Trần Tuyết A tự nguyện giảm yêu cầu bồi thường đối với số tiền còn lại từ 14.840.000 đồng xuống còn 13.000.000 đồng và đồng ý cho bị cáo trả dần 1.000.000 đồng/tháng, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Không đề nghị.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất việc xác định tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đinh Trọng N bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên không kiểm soát được cảm xúc, không ý thức được hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, đã tích cực bồi thường thiệt hại cho các bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo được điều trị bệnh.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, **bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại** và mong được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đinh Trọng N phù hợp với lời khai của các bị hại, của người làm chứng, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, do đó có đủ căn cứ xác định: Xuất phát từ việc nhớ lại mâu thuẫn trước đó về tranh chấp lối đi chung nên Đinh Trọng N đã có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản trong nhà của bà Trần Tuyết A tại số B đường C, phường R, tỉnh An Giang;

qua định giá tài sản bị hư hỏng trị giá 24.840.000 đồng. Ngoài ra bị cáo còn làm hư hỏng nhiều tài sản trong nhà của bà Võ Thị Thu P tại số C đường C, phường R, tỉnh An Giang; qua định giá tài sản bị hư hỏng trị giá 3.094.000 đồng. Tổng tất cả tài sản bị hư hỏng qua định giá có giá trị 27.934.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự “*Người nào huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo được xác định là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, tuy nhiên bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi đập phá làm hư hỏng tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Do đó cần thiết xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, cải tạo, răn đe, tránh lặp lại hành vi phạm tội tương tự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Võ Thị Thu P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và đã hoàn thành xong việc bồi thường; bà P không còn yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại Trần Tuyết A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 24.840.000 đồng theo kết luận định giá tài sản bị thiệt hại. Bị cáo thống nhất mức bồi thường và đã thực hiện bồi thường được tổng cộng 10.000.000 đồng cho bà A. Tại phiên tòa, do nhận thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên bà A tự nguyện giảm yêu cầu bồi thường số tiền còn lại xuống còn 13.000.000 đồng; đồng thời bà A đồng ý cho bị cáo được trả nợ dần.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận về số tiền bồi thường giữa hai bên. Buộc bị cáo Đinh Trọng N có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Trần Tuyết A số tiền 13.000.000 đồng.

Thời gian và cách thức trả tiền hai bên thỏa thuận như sau: Bị cáo có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 1.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 mỗi tháng; cho đến khi hết số tiền 13.000.000 đồng; kỳ trả tiền đầu tiên là ngày 15/9/2026.

Nếu bị cáo vi phạm thời gian và cách thức trả tiền nêu trên thì bà A có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để thu hồi toàn bộ số tiền còn lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải trả cho bà A khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số nợ gốc còn lại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Đinh Trọng N phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường được 1/2 nghĩa vụ dân sự theo bản án, quyết định; bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; do đó có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s và điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại bà Trần Tuyết A đã tự nguyện xin giảm nhẹ hình phạt áp dụng đối với bị cáo; do đó đủ căn cứ cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt, đây là đặc điểm cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt chính:

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, sau khi xem xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo bị đề nghị xử phạt tù không quá 03 năm; có nhân thân tốt; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nhưng đều là tội phạm ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 2, 3, 4 của Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo được hưởng án treo là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục; qua đó cũng thể hiện

sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thuộc trường hợp hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định và cũng không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 178 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

[9] Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Đinh Trọng N** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Đinh Trọng N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải bồi thường cho bị hại; án phí được xác định là 650.000 đồng (13.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Đinh Trọng N** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, điểm q, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; **Điều 65** Bộ luật Hình sự; Điều 2, 3, 4, 5 và 6 của Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Đinh Trọng N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng**. Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 28/8/2026.

Giao bị cáo **Đinh Trọng N** cho Ủy ban nhân dân phường R, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Đinh Trọng N** có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Trần Tuyết A số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Thời gian và cách thức trả tiền hai bên thỏa thuận như sau: Bị cáo có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 1.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 mỗi tháng; cho đến khi hết số tiền 13.000.000 đồng; kỳ trả tiền đầu tiên là ngày 15/9/2026.

Nếu bị cáo vi phạm thời gian và cách thức trả tiền nêu trên thì bà A có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để thu hồi toàn bộ số tiền còn lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải trả cho bà A khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số nợ gốc còn lại tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đinh Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; người có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 1 – An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Công an phường Rạch Giá;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hồng Thắm